

## BÁO CÁO

Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất  
(từ ngày 16/11/2024 đến 22/11/2024)

### I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ MÙA 2024

Diện tích phục vụ vụ Mùa năm 2024 đến ngày 22/11/2024: **21.435,9 ha**, trong đó:

#### 1. Khu vực Củ Chi: **7.367,9 ha**; cụ thể:

– Lúa: **3.660,1 ha** (Trung Lập Thượng: 1.059,6 ha, Trung Lập Hạ: 582,1 ha, Thái Mỹ: 199,8 ha, Phước Thạnh: 499,4 ha, Phước Hiệp: 208,4 ha, An Nhơn Tây: 267,1 ha, Nhuận Đức: 303,0 ha; Phú Mỹ Hưng: 79,7 ha, Phước Vĩnh An: 9,8 ha, Tân An Hội: 365,2 ha, Tân Thông Hội: 13,2 ha, Tân Phú Trung: 3,2 ha, An Phú – Phú Mỹ Hưng: 17,1 ha, Thai Thai – Bến Súc: 7,7 ha, Tân Thạnh Đông: 8,6 ha; Cây Xanh – Bà Bếp: 4,6 ha; Bắc rạch Tra: 4,1 ha; Láng The – Sông Lu: 27,5 ha).

- Thủy sản: 262,0 ha;
- Cây CN dài ngày,...: 2.685,0 ha;
- Rau màu, cây CN ngắn ngày: 760,8 ha;

#### 2. Khu vực Hóc Môn – Bắc Bình Chánh: **7.001,1 ha**; cụ thể:

– Lúa: 471,91 ha lúa (Xuân Thới Sơn: 2,6ha, Xuân Thới Thượng: 76,6 ha; Tân Kiên: 48,0 ha; Tân Nhựt: 142,5 ha; Lê Minh Xuân: 138,0 ha; Vĩnh Lộc B: 14,1 ha; Tân Tạo A: 50,1 ha).

- Nuôi trồng thủy sản: 55,34 ha;
- CN dài ngày: 1.492,32 ha;
- Rau màu: 150,0 ha;
- Tiêu thoát nước nông nghiệp: 3.255,15 ha;
- Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: 1.576,37ha.

**3. Khu vực CTTL Nam rạch Tra: 3.789,1 ha** (cây CN dài ngày, cây ăn quả: 281,6 ha; rau, màu cây CN ngắn ngày: 334,5 ha; nuôi trồng thủy sản: 23,0 ha; tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: 3.150,0 ha).

#### 4. Khu vực CTTL Thủ Đức: **3.277,8 ha**.

### II. TÌNH HÌNH THU HOẠCH VỤ MÙA 2024

Hiện nay khu vực Củ Chi thu hoạch đến ngày 22/11/2024: **2.737,9 ha**; cụ thể:

– Lúa: **2.679,1 ha** (Trung Lập Thượng: 958,9 ha, Trung Lập Hạ: 521,5ha, Thái Mỹ: 146,5 ha, Phước Thạnh: 409,3 ha, Phước Hiệp: 44,9 ha, An Nhơn Tây: 207,5 ha, Nhuận Đức: 232,5 ha, Phú Mỹ Hưng: 58,7 ha, Tân An Hội: 78,8 ha, Tân Thông Hội: 4,3 ha, Tân Phú Trung: 0,11 ha, An Phú – Phú Mỹ Hưng: 1,9 ha; Thai Thai – Bến Súc: 7,7 ha, Láng The – Sông Lu: 6,5 ha).

- Rau màu, cây CN ngắn ngày: **58,8 ha**.

### III. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2024-2025

#### 1. Khu vực Củ Chi: **813,6 ha**; cụ thể:

– Lúa: **765,5 ha** (Trung Lập Thượng: 177,2 ha, Trung Lập Hạ: 298,9 ha, Thái Mỹ: 5,0 ha, Phước Thạnh: 200,9 ha, Phước Hiệp: 25,6 ha, Phú Mỹ Hưng: 1,5 ha, Tân An Hội: 10,7 ha; An Phú – Phú Mỹ Hưng: 16,5 ha, Thai Thai – Bến Súc: 8,6 ha; Láng The – Sông Lu: 20,6 ha)

- Rau màu: **48,1 ha**.

#### IV. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:

##### 1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước sử dụng trong tuần qua CĐT K34 và CĐK N25 từ ngày 16/11/2024 đến ngày 22/11/2024: 8.905.535 m<sup>3</sup>, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )
16/11/2024	13,62	13,35	0,90	9,73	840.419	3,78	327.004
17/11/2024	13,75	13,46	1,00	11,26	973.074	3,70	319.486
18/11/2024	13,70	13,40	1,00	11,45	989.709	3,61	311.786
19/11/2024	13,75	13,45	1,00	11,45	989.709	3,70	319.486
20/11/2024	13,68	13,41	1,00	10,87	938.920	3,42	295.786
21/11/2024	13,76	13,47	1,00	11,26	973.074	3,78	327.004
22/11/2024	13,76	13,47	1,00	11,26	973.074	3,78	327.004
<b>Tổng cộng</b>					<b>6.677.979</b>		<b>2.227.556</b>

b. Tổng lượng nước sử dụng từ ngày 01/12/2023 đến 22/11/2024 là **412,31** triệu m<sup>3</sup>, bằng 104,35% so cùng kỳ và bằng 117,71% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 316,37 triệu m<sup>3</sup>, K0 – N25: 104,84 triệu m<sup>3</sup>).

c. **Tình hình điều tiết nước:** Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2. **Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (12,30 ÷ 16,30) NTU và pH dao động từ (7,00 ÷ 7,41).

##### 3. Lượng mưa đo được tại các trạm:

STT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Mưa lũy tuyến trong năm 2024 (mm)
1	Xí nghiệp Củ Chi	1	1.314
2	N25-2	30	1.510
3	N31A (K0)	28	1.407
4	K41-KĐ	26	1.129
5	N25	1	1.270
6	N38	29	1.359
7	K9-N46	-	1.606
8	An Phú	7	1.214
9	Thai Thai - Bến Súc	8	1.016
10	Ba Thôn	39	2.058
11	Ông Đụng	45	1.986
12	Gò Dưa	21	1.956
13	Xí nghiệp HM-BC	37	1.699
14	Cụm T10	55	2.005
15	Cụm kênh C	28	1.429

#### 4. Mục nước Hồ Dầu Tiếng: Dao động từ (23,73 ÷ 23,74) m.

Ngày	Mức nước 2024 (m)	Mức nước 2023 (m)
22/11/2024	23,74	24,11
21/11/2024	23,74	24,15
20/11/2024	23,74	24,19
19/11/2024	23,74	24,24
18/11/2024	23,74	24,30
17/11/2024	23,74	24,34
16/11/2024	23,73	24,38

#### 5. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

- + Cống Gò Dưa : + 1,65 m
- + Cống Ba Thôn : + 1,63 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 1,38 m
- + Cống kênh C : + 1,70 m
- + Cống An Hạ : + 1,50 m

– Chất lượng nước:

STT	Vị trí	Độ pH	
		Phía sông	Phía đồng
1	Cống Tân Kiên	7,02	6,82
2	Cống kênh C	6,96	6,56
3	Cống kênh B	6,87	6,78
4	Cống kênh A	6,81	6,74
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,78	
6	Cống cuối kênh Ranh	6,76	
7	Cống An Hạ	6,65	6,70
8	Cống T10	6,67	

#### V. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

- Công trình an toàn; Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường:
- Khu vực 5 cống ngăn triều Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Tình hình vận hành cống Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.